

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày 8 tháng 8 năm 2023
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ
2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 05 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 07 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tòng Thị Kh, sinh năm 2001. NĐKKHTT: Bản T C, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lù Văn N, sinh năm 1994. NĐKKHTT: Bản T, C, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tòng Thị Kh trình bày như sau:

Chị và anh Lù Văn N kết hôn với nhau từ năm 2019, do cả hai cùng tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp vào ngày 23/10/2019, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống không được hòa thuận hạnh phúc ngay thời gian đầu khi mới kết hôn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng cùng đi làm công ty nhưng anh N không tu trí làm ăn, thường xuyên ghen tuông vô cớ, đánh đập chị khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra hai vợ chồng cùng bỏ về không đi làm nữa. Hai bên gia đình cùng chính quyền địa phương tiến hành hòa giải cho anh chị nhưng không thành, anh chị quyết ly hôn. Sau đó đến năm 2021 anh chị đã sống ly thân, trong thời gian ly thân anh chị cũng không quan tâm hỏi han gì nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không thể quay về tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lù Nhật Bách, sinh ngày 09/05/2016 và cháu Lù Thị Phương Nghi, sinh ngày 22/11/2017. Từ khi sống ly thân hai cháu ở với anh N và ông bà nội. Khi hai bên gia đình cùng chính quyền hòa giải anh chị cũng đã thỏa thuận được về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Sau khi ly hôn anh N vẫn tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Bách và Nghi cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị Kh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N do anh N không yêu cầu.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị Kh xác nhận không có tài sản chung, nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày ngày 15/06/2023, anh Lù Văn N trình bày:

Tôi và cô Tòng Thị Kh có đi đăng ký kết hôn vào năm 2019. Tại UBND xã Chiềng Chăn vào ngày 23/09/2019 và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị cùng nhau về Hà Nội làm công nhân, chị Kh thường xuyên nhắn tin facebook với người đàn ông khác. Vì vậy anh chị xảy ra xô xát nhau do ghen tuông và bỏ về nhà nhưng vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Đại diện chính quyền địa phương và hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành, anh chị đã sống ly thân. Nay chị Kh có đơn xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị Kh, vợ chồng tình cảm cũng không còn nữa và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải cho anh chị nữa.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lù Nhật Bách, sinh ngày 09/05/2016 và cháu Lù Thị Phương Nghi, sinh ngày 22/11/2017. Nguyên vọng của

anh sau khi ly hôn mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Bách và Nghi). Nếu được nuôi dưỡng anh không yêu cầu chị Kh phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N xác nhận không có tài sản chung cũng như nợ chung của vợ chồng.

Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Lù Nhật Bách có nguyện vọng được ở với bố là anh Lù Văn N sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Kh giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và đồng ý với nguyện vọng của anh N giao hai cháu Bách và Nghi cho anh Nghệp trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N do anh N không yêu cầu.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Kết quả xác định: Về quá trình chung sống và kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như nội dung trình bày của chị Kh và anh Nghệp. Do ghen tuông nhau, cả hai không đi làm nữa và bỏ về nhà ở bản Tà Chan sinh sống. Khi mâu thuẫn của hai vợ chồng xảy ra chính quyền địa phương và gia đình hai bên cũng đã hòa giải cho hai anh chị nhưng không thành, anh chị cũng đã sống ly thân cho đến nay, Về con chung, anh chị có 02 con chung là cháu Lù Nhật Bách, sinh ngày 09/05/2016 và cháu Lù Thị Phương Nghi, sinh ngày 22/11/2017. Khi ly thân anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu. Để đảm bảo cuộc sống của hai cháu cần giao cháu Bách và cháu Nghi cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung cũng như nợ chung.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy

đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tòng Thị Kh và anh Lù Văn N. Về con chung, giao cháu Lù Nhật Bách, sinh ngày 09/05/2016 và cháu Lù Thị Phương Nghi, sinh ngày 22/11/2017 cho anh Lù Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kh, anh N đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Tòng Thị Kh có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lù Văn N NĐKHKT tại: Bản Tà Chan, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều có yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc xét xử, trước khi mở phiên tòa, Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với các đương sự nhưng anh N có ý kiến xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc. Chị Kh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Tòng Thị Kh và anh Lù Văn N tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2019, tại UBND xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/10/2019. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Kh, mâu thuẫn là do hai vợ chồng cùng đi làm anh N mãi chơi không tu trí làm ăn, hay ghen tuông vô cớ, cãi cọ nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên đến đầu năm 2021 chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở Bản Tà Chan sinh sống đến nay. Quá trình điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện chính quyền địa phương đã xác định: Giữa anh chị có mâu thuẫn là do hai vợ chồng cùng đi làm công nhân, phát sinh mâu thuẫn và cả hai không làm nữa bỏ về bản. Bản và hai bên gia đình cũng đã hòa giải cho hai anh chị nhưng không thành. Tại bản tự khai của anh Lù Văn N, anh cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Tòng Thị Kh. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Kh, anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kh, xử cho chị Kh được ly hôn với anh N.

[2.2] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là cháu Lù Nhật Bách, sinh ngày 09/05/2016 và cháu Lù Thị Phương Nghi, sinh ngày 22/11/2017. Căn cứ các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp cũng như Tòa án đã thu thập được, HĐXX xét thấy: Thực tế anh N là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu trong suốt thời gian anh chị sống ly thân và chị Kh cũng đồng ý để anh N là người nuôi dưỡng hai cháu, cần giao cháu Lù Nhật Bách và Lù Thị Phương Nghi cho anh N trực tiếp chăm sóc giáo dục. Chấp nhận việc anh N không yêu cầu chị Kh phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều khẳng định không có tài sản chung cũng như nợ chung.

[2.4] *Về án phí*: Chị Kh phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tòng Thị Kh và anh Lù Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lù Nhật Bách, sinh ngày 19/05/2016 và cháu Lù Thị Phương Nghi, sinh ngày 22/11/2017 cho anh Lù Văn N trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc anh N không yêu cầu chị Kh phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, chị Kh được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị Kh được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lò Thị Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền Tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003155 ngày 24 tháng 05 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- UBND xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tẻnh

